

Bản án số: 96/2023/DS-PT
Ngày: 09 – 5 – 2023
V/v tranh chấp đòi lại tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Giang Thị Cẩm Thúy

Các Thẩm phán: Ông Trương Thanh Dũng
Bà Huỳnh Thị Kiều Anh

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Minh Thu – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Trần Hồng Thắm - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 13/2023/TLPT-DS ngày 01 tháng 3 năm 2023 về việc tranh chấp “đòi lại tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 125/2022/DS-ST ngày 15 tháng 11 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 66/2023/QĐ-PT ngày 14 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn:

1. Bà Trần Mỹ T, sinh năm 1966; cư trú tại ấp B, xã Long Điền Đ, huyện Đ, tỉnh B (vắng mặt);

2. Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1954; cư trú tại ấp B, xã Long Điền Đ, huyện Đ, tỉnh B (vắng mặt);

3. Ông Quách Văn C, sinh năm 1952; cư trú tại ấp B, xã Long Điền Đ, huyện Đ, tỉnh B (vắng mặt);

4. Ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1950; cư trú tại ấp Minh Đ, xã Long Điền Đ, huyện Đ, tỉnh B (vắng mặt);

5. Ông Nguyễn Quốc L, sinh năm 1964; người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Hồng T, sinh năm 1967; cùng cư trú tại ấp B, xã Long Điền Đ, huyện Đ, tỉnh B (vắng mặt);

6. Bà Biện Thị M, sinh năm 1953; cư trú tại ấp Trung Đ, xã Long Điền Đ, huyện Đ, tỉnh B (vắng mặt);

7. Bà Trần Ngọc H, sinh năm 1968; cư trú tại ấp Thị T, thị trấn Hòa B, huyện H, tỉnh B (vắng mặt);

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Trần Ngọc H: Ông D1ong Bạch Tr là Trợ giúp viên thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Bạc Liêu (vắng mặt);

8. Ông Trương Thanh N, sinh năm 1950; người đại diện theo ủy quyền: Anh Trương Thanh Nh; cùng cư trú tại số 9 đường Lý Thường Kiệt, Khóm 5, Phường 1, thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu (vắng mặt);

9. Ông Nguyễn Văn Th, sinh năm 1965; cư trú tại ấp B, xã Long Điền Đ, huyện Đ, tỉnh B (vắng mặt);

10. Ông Châu Văn T, sinh năm 1963; cư trú tại ấp B, xã Long Điền Đ, huyện Đ, tỉnh B; người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn Viên, cư trú tại ấp Minh Đ, xã Long Điền Đ, huyện Đ, tỉnh B (vắng mặt).

11. Ông Nguyễn Minh Tr, sinh năm 1975; cư trú tại: Số 186B/4, Khóm 2, Phường 7, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu (vắng mặt).

12. Ông Châu Thanh L, sinh năm 1965; cư trú tại ấp B, xã Long Điền Đ, huyện Đ, tỉnh B (vắng mặt).

13. Ông Lê Văn B, sinh năm 1970; cư trú tại ấp B, xã Long Điền Đ, huyện Đ, tỉnh B (vắng mặt); bà Lê Thị Ph, sinh năm 1956; cư trú tại Khóm 1, phường Láng Tròn, thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu (vắng mặt); ông Lê Văn T, sinh năm 1958; cư trú tại ấp B, xã Long Điền Đ, huyện Đ, tỉnh B (chết ngày 31/01/2022); bà Lê Thị L, sinh năm 1968; cư trú tại ấp Vĩnh Đ, xã Long Điền T, huyện Đ, tỉnh B (vắng mặt) (là các con ông Lê Văn Cuội);

14. Ông Ngô Quốc D, sinh năm 1965 (vắng mặt);

15. Ông Lý Văn D, sinh năm 1979 (vắng mặt);

16. Ông Phạm Văn V, sinh năm 1967 (vắng mặt);

17. Bà Lâm Thị Ngh, sinh năm 1952 (vắng mặt);

18. Ông Trần Văn H, sinh năm 1956 (vắng mặt);

19. Bà Nguyễn Hồng T, sinh năm 1967 (vắng mặt);

Cùng cư trú ấp B, xã Long Điền Đ, huyện Đ, tỉnh B.

20. Ông Nguyễn Minh Đ, sinh năm 1961; cư trú tại Ấp 4, thị trấn Gành Hào, huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu (vắng mặt);

21. Bà Trần Thị B, sinh năm 1955; cư trú tại ấp Vĩnh Điền, xã Long Điền Đông, huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu (vắng mặt);

22. Ông Trần Văn B, sinh năm 1956 (chết ngày 18/5/2022);

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng: Bà Nguyễn Thu Th, sinh năm 1958 (vắng mặt); anh Trần Văn Vững, sinh năm 1987 (vắng mặt); anh Trần Văn Trí, sinh năm 1989 (vắng mặt); cùng cư trú tại ấp Trung Đ, xã Long Điền Đ, huyện Đ, tỉnh B;

23. Ông Nguyễn Văn Th, sinh năm 1951; cư trú tại ấp Phước Điền, xã Long Điền Đông, huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu (vắng mặt);

24. Ông Nguyễn Văn V, sinh năm 1955; cư trú tại ấp Minh Đ, xã Long Điền Đ, huyện Đ, tỉnh B (vắng mặt);

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Nguyễn Văn V: Ông Trần Hiền Tr là Trợ giúp viên thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

25. Ông Ngô Văn C, sinh năm 1953; cư trú tại Ấp 17, xã Vĩnh Hậu A, huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu (vắng mặt);

26. Bà Trần Ngọc G, sinh năm 1967; cư trú tại ấp Thị T, thị trấn Hòa B, huyện H, tỉnh B (vắng mặt);

27. Ông Trần Văn G, sinh năm 1940; cư trú tại ấp Vĩnh K, xã Vĩnh T, huyện H, tỉnh B (vắng mặt);

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Trần Văn G: Ông Dlong Bạch Tr là Trợ giúp viên thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Bạc Liêu (vắng mặt).

28. Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1954; cư trú tại ấp Vĩnh M, xã Vĩnh T, huyện H, tỉnh B (vắng mặt);

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Nguyễn Văn H: Ông Trần Hiền Tr là Trợ giúp viên thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

29. Ông Lâm Văn K, sinh năm 1949; cư trú tại ấp B, xã Long Điền Đ, huyện Đ, tỉnh B (chết ngày 16/11/2022);

30. Bà Châu Hồng T, sinh năm 1976; cư trú tại ấp B, xã Long Điền Đ, huyện Đ, tỉnh B (vắng mặt).

Bị đơn:

1. Ông Phạm Văn B (vắng mặt);

2. Ông Nguyễn Hồng H, sinh năm 1947 (vắng mặt);

3. Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1966 (có mặt);

Cùng cư trú tại: ấp B, xã Long Điền Đ, huyện Đ, tỉnh B.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn ông Nguyễn Văn D: Bà Hồ Huỳnh Tố H - Luật sư của Công ty Luật TNHH MTV Thái Sơn thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Ngô Thị Đ, sinh năm 1957 (vắng mặt);

2. Ông Ngô Quốc V, sinh năm 1961 (vắng mặt);

Cùng cư trú tại ấp B, xã Long Điền Đ, huyện Đ, tỉnh B.

3. Bà Ngô Thị Đ, sinh năm 1955; cư trú ấp Trường Đ, xã Long Điền Đ, huyện Đ, tỉnh B (vắng mặt)

4. Bà Châu Bích Ph, sinh năm 1959 (vắng mặt);

5. Bà Châu Bích T, sinh năm 1957 (vắng mặt);

6. Bà Châu Hồng M, sinh năm 1975 (vắng mặt);

Cùng cư trú tại ấp B, xã Long Điền Đ, huyện Đ, tỉnh B.

7. Bà Châu Hồng Ch, sinh năm 1956 (vắng mặt);

8. Bà Châu Hồng M, sinh năm 1973 (vắng mặt);

Cùng cư trú tại ấp Minh Đ, xã Long Điền Đ, huyện Đ, tỉnh B.

9. Ông Châu Hoàng S, sinh năm 1952; cư trú tại ấp Trường Đ, xã Long Điền Đ, huyện Đ, tỉnh B (vắng mặt).

- **Người kháng cáo:** Bà Nguyễn Thu Th (vợ ông Trần Văn B), bà Lâm Thị Ngh, ông Trần Văn H, bà Nguyễn Hồng T, ông Nguyễn Minh Đ, bà Trần Thị B, ông Nguyễn Văn Th, ông Nguyễn Văn V, bà Trần Mỹ T, ông Nguyễn Văn S, ông Quách Văn C, ông Nguyễn Văn P, ông Nguyễn Quốc L, bà Biện Thị M, bà Trần Ngọc H, ông Châu Văn T, ông Nguyễn Minh Tr, ông Châu Văn Liêm; ông Lê Văn B; ông Ngô Quốc D, ông Lý Văn D, ông Phạm Văn V, ông Ngô Văn C, bà Trần Ngọc G, ông Nguyễn Văn H là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, các nguyên đơn bà Trần Mỹ T, ông Nguyễn Văn S, ông Quách Văn C, ông Nguyễn Văn P, ông Nguyễn Quốc L, bà Biện Thị M, bà Trần Ngọc H, ông Trương Thanh N, ông Nguyễn Văn Th, ông Châu Văn T, ông Nguyễn Minh Tr, ông Châu Văn Liêm, ông Lê Văn B, bà Lê Thị Ph, ông Lê Văn T, bà Lê Thị L (là các con ông Lê Văn Cuội), ông Ngô Quốc D, ông Lý Văn D, ông Phạm Văn V, bà Lâm Thị Ngh, ông Trần Văn H, bà Nguyễn Hồng T, ông Nguyễn Minh Đ, bà Trần Thị B, ông Trần Văn B, ông Nguyễn Văn Th, ông Nguyễn Văn V, ông Ngô Văn C, bà Trần Ngọc G, ông Trần Văn G, ông Nguyễn Văn H, ông Lâm Văn K, bà Châu Hồng T thống nhất trình bày: Tập đoàn 8 được thành lập năm 1982 theo Quyết định số 59/QĐ-UB ngày 03/6/1982 của Ủy ban nhân dân (UBND) huyện Giá Rai về việc thành lập tập đoàn sản xuất ấp Bửu 2 (số 8) thuộc xã Long Điền Đông A (nay là xã Long Điền Đông). Gồm có ông Nguyễn Văn X là tập đoàn trưởng (đã chết), ông Nguyễn Văn Bình là tập đoàn phó (đã chết), ông Châu Đông A là tập đoàn phó, ông Châu Văn T là kế toán (già yếu), ông Lê Văn B là thủ quỹ (đã chết) đứng ra kêu gọi bà con vào Tập đoàn 8 để cải tạo, khai phá đất, những người nêu trên lập danh sách người dân vào Tập đoàn 8.

Các nguyên đơn tham gia Tập đoàn 8 vào năm 1982 là xã viên, công việc của các nguyên đơn là để khai phá đất, cải tạo lại để làm ruộng muối. Khi vào Tập đoàn làm muối thì gồm có 28 người, sau đó do không đủ người làm có đưa thêm hộ có công với cách mạng và hộ nghèo nên tổng cộng là 31 người cùng vào tập đoàn, thỏa thuận là cùng nhau làm công việc, sau khi có muối thì chia cho từng người trong tập đoàn, do Tập đoàn trưởng và tập đoàn phó phân chia muối.

Tập đoàn 8 được giao diện tích 360 công đất và 31 người dân được Tập đoàn 8 lập danh sách để vào cải tạo, khai phá phần đất này. Khi các nguyên đơn vào Tập đoàn thì phần đất là đất rừng có nhiều cây tạp, cỏ mọc, các nguyên đơn cùng nhau làm cỏ, chặt cây sau đó thì có đưa máy cày vào khai phá, thời gian cải tạo khoảng 01 năm thì phần đất mới thành đất làm ruộng muối toàn bộ diện tích đất 360 công. Các nguyên đơn không xác định được vị trí đất các nguyên đơn khai phá thời điểm năm 1982 vì tất cả xã viên trong Tập đoàn 8 đều thực hiện chung khai phá phần đất là 360 công nên không xác định được vị trí khai phá cụ thể của từng người thực hiện. Các nguyên đơn làm khoảng 8 tháng thì sẽ thu hoạch do phần đất chưa cải tạo xong nên mỗi năm chỉ làm 01 vụ muối. Các thành viên trong tập đoàn thỏa thuận khi thu hoạch muối trừ chi phí, còn lại thì chia muối cho từng thành viên trong tập đoàn. Lúc đó chỉ được chia muối, còn tiền công cải tạo, khai phá đất thì chưa trả vì các nguyên đơn nghĩ phần đất là của chung nên khi làm ra sản phẩm bao nhiêu thì hưởng bấy nhiêu, chứ không nghĩ UBND xã lấy lại đất. Các nguyên đơn làm muối đến khi UBND xã thu hồi đất năm 1984 thì mới nghỉ.

Vào thời điểm năm 1984, UBND xã thu hồi nhưng không có quyết định thu hồi hay giấy tờ gì khác. UBND xã yêu cầu những người dân cùng làm trong Tập đoàn 8 vào hợp tác xã làm muối, nhưng những người trong Tập đoàn 8 không đồng ý nên UBND xã thu hồi đất của Tập đoàn 8. Sau khi thu hồi thì UBND xã giao đất cho ông Nguyễn Văn Dư sử dụng nhưng UBND xã không bồi thường tiền cải tạo, khai phá đất, các nguyên đơn yêu cầu đến các cơ quan có thẩm quyền nhiều lần nhưng không được giải quyết. Đến năm 1993 ông Phạm Văn B là Bí thư UBND xã Long Điền Đông A đứng ra đại diện cho UBND xã có hứa sẽ bồi thường tiền cải tạo, khai phá đất cho các nguyên đơn nhưng không nói bồi thường cụ thể như thế nào. Hiện nay phần đất nêu trên do các con của ông Nguyễn Văn Dư tên Nguyễn Hồng H và Nguyễn Văn D đang quản lý sử dụng đất. Các nguyên đơn tính thời điểm hiện nay tiền công cải tạo, khai phá đất trong thời gian 02 năm từ năm 1982 đến năm 1984, mỗi ngày 200.000 đồng x 02 năm = 146.000.000 đồng. Còn thời điểm các nguyên đơn làm trong Tập đoàn 8 năm 1982 thì không xác định được tiền công cải tạo, khai phá đất cụ thể như thế nào. Các nguyên đơn yêu cầu các bị đơn ông Nguyễn Văn D, ông Nguyễn Hồng H và ông Phạm Văn B cùng có trách nhiệm trả tiền cải tạo, khai phá đất 146.000.000 đồng/người.

Bị đơn ông Nguyễn Văn D trình bày: Nguồn gốc phần đất theo đơn khởi kiện của các nguyên đơn là vào khoảng năm 1970 ông Nguyễn Hồng D1 (chết năm 1998) là cha ruột ông D, ông Trần Trung C, ông Nguyễn Văn T và ông Trương Văn P (đã chết không nhớ thời gian) cùng nhau khai phá phần đất nêu trên. Đến năm 1974 do chiến tranh nên ông D1 bỏ đi. Năm 1981 – 1982, Tập đoàn 8 lấy khai phá làm muối nhưng không hiệu quả nên không tiếp tục làm. Đến khoảng năm 1985, Nhà nước có chủ trương đất của ai giao trả cho người đó nên ông D1 có làm đơn để nhận lại phần đất nêu trên.

Năm 1995 gia đình ông được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích 33,9 ha. Năm 2004 cấp lại cho ông (Nguyễn Văn D) đứng tên với diện tích 52.782m² và anh của ông là ông Nguyễn Hồng H khoảng trên 20.000m². Ngoài ra, cha ông còn cho một số anh em khác (07 người anh em của ông D) mỗi

người một phần (ông không nhớ cụ thể mỗi người diện tích bao nhiêu). Phần đất của ông hiện nay đang canh tác làm muối. Nay các nguyên đơn yêu cầu ông Phạm Văn B, ông Nguyễn Hồng H và ông Nguyễn Văn D trả tiền cải tạo, khai phá đất mỗi người số tiền 146.000.000 đồng thì ông không đồng ý. Vì phần đất nêu trên gia đình ông sử dụng hợp pháp và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Đối với ông Phạm Văn B, ông Nguyễn Hồng H và người liên quan là bà Lê Thị Ph, ông Lê Văn T, bà Lê Thị L, bà Ngô Thị Đ, ông Ngô Quốc V, bà Ngô Thị Đ, bà Châu Bích Ph, bà Châu Bích T, bà Châu Hồng M, bà Châu Hồng Ch, bà Châu Hồng M, ông Châu Hoàng S: Sau khi thụ lý vụ án đến khi phiên tòa xét xử sơ thẩm nhưng họ đều vắng mặt nên không có ý kiến.

Từ nội dung trên, Bản án số 125/2022/DS-ST ngày 15/11/2022 của Tòa án nhân dân huyện Đông Hải quyết định:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn bà Trần Mỹ T, ông Nguyễn Văn S, ông Quách Văn C, ông Nguyễn Văn P, ông Nguyễn Quốc L, bà Biện Thị M, bà Trần Ngọc H, ông Trương Thanh N, ông Nguyễn Văn Th, ông Châu Văn T, ông Nguyễn Minh Tr, ông Châu Văn Liêm, ông Lê Văn B, bà Lê Thị Ph, ông Lê Văn T, bà Lê Thị L (là các con ông Lê Văn Cuội); ông Ngô Quốc D, ông Lý Văn D, ông Phạm Văn V, bà Lâm Thị Ngh, ông Trần Văn H, bà Nguyễn Hồng T, ông Nguyễn Minh Đ, bà Trần Thị B, ông Trần Văn B, ông Nguyễn Văn Th, ông Nguyễn Văn V, ông Ngô Văn C, bà Trần Ngọc G, ông Trần Văn G, ông Nguyễn Văn H, ông Lâm Văn K, bà Châu Hồng T đối với ông Phạm Văn B, ông Nguyễn Hồng H và ông Nguyễn Văn D.

2. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Ph, ông Lê Văn T, bà Lê Thị L. Bà Ph, ông T và bà L được quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại vụ án.

Ngoài ra, bản án còn tuyên án phí, quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 27 và 28 tháng 11 năm 2022, các nguyên đơn kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Đông Hải. Yêu cầu cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu của các nguyên đơn, buộc các bị đơn trả tiền công lao động mỗi người 146.000.000 đồng.

Từ ngày 26/4/2023 đến ngày 08/5/2023 các nguyên đơn gồm: Ông Nguyễn Văn V, ông Nguyễn Văn H, bà Trần Mỹ T, ông Nguyễn Văn S, ông Quách Văn C, ông Nguyễn Văn P, ông Nguyễn Quốc L, bà Biện Thị M, bà Trần Ngọc H, ông Nguyễn Văn Th, ông Châu Văn T, ông Nguyễn Minh Tr, ông Châu Thanh L, ông Lê Văn B, ông Ngô Quốc D, ông Lý Văn D, ông Phạm Văn V, bà Lâm Thị Ngh, ông Trần Văn H, bà Nguyễn Hồng T, ông Nguyễn Minh Đ, bà Trần Thị B, bà Nguyễn Thu Th (vợ ông Trần Văn B), ông Nguyễn Văn Th, ông Ngô Văn C, bà Trần Ngọc G, ông Trần Văn G và bà Châu Hồng T đã có đơn yêu cầu xin rút yêu cầu kháng cáo và rút yêu cầu khởi kiện. Các nguyên đơn không kháng cáo gồm ông Nguyễn Văn Th, ông Trần Văn G, bà Châu Hồng T có đơn rút yêu cầu khởi kiện.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ông Trần Hiến Tr là trợ giúp viên pháp lý bảo vệ quyền và lợi ích cho nguyên đơn Nguyễn Văn V và Nguyễn Văn H trình bày ý kiến tranh luận: Ông Nguyễn Văn V và Nguyễn Văn H cùng các nguyên đơn gồm Trần Mỹ T, Nguyễn Văn S, Quách Văn C, Nguyễn Văn P, Nguyễn Quốc L, Biện Thị M, Trần Ngọc H, Nguyễn Văn Th, Châu Văn T, Nguyễn Minh Tr, Châu Thanh L, Lê Văn B, Ngô Quốc D, Lý Văn D, Phạm Văn V, Lâm Thị Ngh, Trần Văn H, Nguyễn Hồng T, Nguyễn Minh Đ, Trần Thị B, Nguyễn Thu Th (vợ ông Trần Văn B), Nguyễn Văn Th, Ngô Văn C, Trần Ngọc G, Trần Văn G và Châu Hồng Tiến đã có đơn yêu cầu xin rút kháng cáo, rút yêu cầu khởi kiện, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét chấp nhận và đình chỉ phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Nguyễn Văn D trình bày ý kiến tranh luận: Tại phiên tòa phúc thẩm, 25 nguyên đơn kháng cáo không có mặt theo giấy triệu tập tòa án lần thứ hai mà không có lý do chính đáng và theo đơn yêu cầu rút kháng cáo, rút yêu cầu khởi kiện của 25 nguyên đơn có kháng cáo thì bị đơn đồng ý với yêu cầu rút kháng cáo, không đồng ý yêu cầu rút đơn khởi kiện. Đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết phúc thẩm và giữ nguyên bản án phần liên quan đến 25 nguyên đơn; đối với nguyên đơn đã chết trước khi cấp sơ thẩm đưa vụ án ra xét xử thì cấp sơ thẩm không đưa người kế thừa quyền và nghĩa vụ tham gia tố tụng là vi phạm về tố tụng đề nghị hủy một phần bản án liên quan đến nguyên đơn chết; đối với các nguyên đơn không kháng cáo và có đơn xin rút yêu cầu khởi kiện thì đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm tuyên đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn ông Nguyễn Văn D thống nhất với ý kiến tranh luận của Luật sư, không có ý kiến tranh luận bổ sung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 308 và Điều 310 Bộ luật Tố tụng dân sự hủy bản án dân sự sơ thẩm số 125/2022/DS-ST ngày 15/11/2022 của Tòa án nhân dân huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu. Giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân huyện Đông Hải xét xử lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu toàn bộ các tài liệu chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, nghe ý kiến tranh luận của các đương sự và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu, sau khi thảo luận, nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Đơn kháng cáo của các nguyên đơn gửi đến Tòa án còn trong thời hạn luật định và đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được Hội đồng xét xử xem xét lại bản án dân sự sơ thẩm theo trình tự phúc thẩm.

[1.2] Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị đơn ông Phạm Văn B, ông Nguyễn Hồng H vắng mặt; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm bà Ngô Thị Đ, ông Ngô Quốc V, bà Ngô Thị Đ, bà Châu Bích Ph, bà Châu Bích T, bà Châu Hồng M, bà Châu Hồng Ch, bà Châu Hồng M, ông Châu Hoàng S vắng mặt không lý do, 25 nguyên đơn có kháng cáo gồm bà Nguyễn Thu Th (vợ ông Trần Văn B), bà Lâm Thị Ngh, ông Trần Văn H, bà Nguyễn Hồng T, ông Nguyễn Minh Đ, bà Trần Thị B, ông Nguyễn Văn Th, ông Nguyễn Văn V, bà Trần Mỹ T, ông Nguyễn Văn S, ông Quách Văn C, ông Nguyễn Văn P, ông Nguyễn Quốc L, bà Biện Thị M, bà Trần Ngọc H, ông Châu Văn T, ông Nguyễn Minh Tr, ông Châu Văn Liêm; ông Lê Văn B; ông Ngô Quốc D, ông Lý Văn D, ông Phạm Văn V, ông Ngô Văn C, bà Trần Ngọc G, ông Nguyễn Văn H vắng mặt. Trước khi mở phiên tòa phúc thẩm, 25 nguyên đơn kháng cáo có đơn yêu cầu rút kháng cáo và rút yêu cầu khởi kiện; nguyên đơn không kháng cáo ông Nguyễn Văn Th, ông Trần Văn G, bà Châu Hồng T có đơn rút yêu cầu khởi kiện. Hội đồng xét xử xét thấy đây là phiên tòa được triệu tập hợp lệ lần thứ 2, 25 nguyên đơn có kháng cáo vắng mặt không có đơn xin xét xử vắng mặt nhưng cấp phúc thẩm vẫn phải xem xét đến yêu cầu rút kháng cáo, rút đơn khởi kiện của các nguyên đơn mà không đình chỉ xét xử phúc thẩm theo Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với đơn yêu cầu rút kháng cáo và rút yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn thì bị đơn ông Nguyễn Văn D và người bảo vệ quyền và lợi ích cho bị đơn ông Nguyễn Văn D có mặt tại phiên tòa không đồng ý rút yêu cầu khởi kiện, đồng ý yêu cầu rút kháng cáo của các nguyên đơn và yêu cầu cấp phúc thẩm giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Mặt khác, trong vụ án có nguyên đơn ông Lê Văn T được cấp sơ thẩm thụ lý số 235/TB-TL ngày 15/12/2021. Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm, ông Lê Văn T đã chết ngày 31/01/2022 nhưng cấp sơ thẩm vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông T là ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của đương sự được quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết phải xem xét, giải quyết toàn diện vụ án để ra một bản án khách quan, đúng quy định pháp luật nhằm đảm bảo quyền và lợi ích của những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng cũng như các đương sự khác.

[2] Xét thủ tục tố tụng của vụ án cho thấy:

[2.1] Vụ án có 30 nguyên đơn, khởi kiện theo từng đơn riêng lẻ từng người và được Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý từ ngày 18/6/2021 đến 07/6/2022, có tổng cộng 19 Thông báo thụ lý vụ án. Do các đương sự đều có chung nội dung khởi kiện đối với cùng bị đơn là 03 cá nhân nên ngày 10/6/2022, Chánh án Tòa án huyện Đông Hải đã ra Quyết định nhập vụ án số 02/2022/QĐST-DS đối với 17 vụ án đã thụ lý trước và vụ án thụ lý thứ 18 thành một vụ án để giải quyết. Đối với vụ án thụ lý số 51 ngày 29/3/2022 gồm 12 nguyên đơn (bút lục số 438) thì không có quyết định nhập vụ án nhưng các đương sự này vẫn được đưa vào xem xét và xét xử cùng chung bản án là không đúng với quy định tại Điều 42 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2.2] Mặt khác, thời điểm ra Quyết định nhập vụ án là ngày 10/6/2022 (bút lục số 518) nhưng trước đó Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã lập Biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cùng ngày 24/5/2022 đối với 30 nguyên đơn trong cùng 01 vụ việc là không đúng quy định pháp luật. Do có những vụ án thụ lý sau ngày 24/5/2022 (vụ án thụ lý số 109 ngày 07/6/2022 (bút lục số 471) của nguyên đơn Châu Hồng T và vụ án thụ lý số 110 ngày 07/6/2022 (bút lục số 435) của nguyên đơn Lâm Văn K). Đồng thời, việc hòa giải chung 30 nguyên đơn chỉ có thể tiến hành sau khi được nhập chung vụ án. Thông báo về phiên họp, thành phần, trình tự và Biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải phải được thực hiện theo quy định tại Điều 208, 209, 210 và 211 của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng cấp sơ thẩm thực hiện chưa đúng về tố tụng như: thủ tục thông báo phiên họp, hòa giải không tổng đạt cho đương sự, thành phần phiên họp, hòa giải không đúng như chưa thụ lý thì đã tham gia phiên họp, hòa giải; người có mặt và ký tên biên bản thì biên bản thể hiện không có mặt, còn người thể hiện trong biên bản vắng mặt thì lại ghi nhận ý kiến và ký tên.

[2.3] Ông Lê Văn Cuội là xã viên của Tập đoàn 8, ông Cuội chết và ông Lê Văn T, ông Lê Văn B, bà Lê Thị Ph và bà Lê Thị L là người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Cuội đứng đơn khởi kiện và được Tòa án thụ lý vụ án số 235 ngày 15/12/2021. Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, cấp sơ thẩm không thực hiện các thủ tục tổng đạt cho ông T theo quy định nên cấp sơ thẩm không làm rõ việc ông T còn sống hay đã chết mà đưa vụ án xét xử và quyết định về yêu cầu khởi kiện của ông T trong khi ông T đã chết vào ngày 31/01/2022 theo biên bản xác minh ngày 08/5/2023 và trích lục khai tử của ông Lê Văn T. Như vậy, do ông T đã chết trước ngày cấp sơ thẩm xét xử và việc không đưa những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông T vào tham gia tố tụng cấp sơ thẩm là vi phạm quy định tại Điều 74 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2.4] Bản án tuyên không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn trong đó có bà Lê Thị Ph, ông Lê Văn T, bà Lê Thị L tại Mục 1 của phần quyết định và tuyên buộc bà Ph, ông T, bà L nộp án phí đối với yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận. Nhưng tại Mục 2 phần quyết định của Bản án sơ thẩm lại đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Ph, ông Lê Văn T, bà Lê Thị L do đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai để tham dự phiên tòa nhưng vắng mặt và tịch thu sung quỹ nhà nước phần tạm ứng án phí đã dự nộp của mỗi người là 912.500 đồng. Như vậy cùng 01 Bản án, nhưng cấp sơ thẩm lại vừa không chấp nhận yêu cầu khởi kiện và đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện và tuyên được quyền khởi kiện lại vụ án; cùng 01 yêu cầu khởi kiện nhưng lại tuyên buộc án phí 02 lần là không đúng quy định.

[2.5] Xét ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích của bị đơn Nguyễn Văn D về việc đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm đình chỉ phúc thẩm theo đơn yêu cầu rút kháng cáo của các nguyên đơn có kháng cáo và tuyên giữ nguyên bản án sơ thẩm số 125/2022/DS-ST ngày 15/11/2022 của Tòa án nhân dân huyện Đông Hải do các nguyên đơn tuy giải quyết chung trong một vụ án nhưng có yêu cầu độc lập, riêng lẻ từng nguyên đơn. Đồng thời hủy một phần bản án do có vi phạm không đưa người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng và đình chỉ một phần bản án sơ thẩm do có nguyên đơn rút đơn khởi kiện là chưa phù hợp với quy định. Bởi

lẽ, việc người kháng cáo có đơn xin rút kháng cáo, rút yêu cầu khởi kiện là quyền của các đương sự nhưng Hội đồng xét xử phải xem xét toàn diện vụ án để đưa một quyết định mang tính giải quyết toàn diện, không thể trong một vụ án mà có nhiều quyết định khác nhau đối với từng vấn đề một như ý kiến của luật sư. Như nhận định ở phía trên, cấp sơ thẩm có vi phạm về việc nhập vụ án, trình tự thủ tục tiến hành phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải không đúng quy định, không đưa người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng vào tham gia tố tụng khi có người chết trước khi xét xử sơ thẩm là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng nên Hội đồng xét xử chỉ chấp nhận một phần đề nghị của luật sư bảo vệ quyền lợi cho bị đơn Nguyễn Văn D.

[2.6] Ngoài những vi phạm nêu trên, cấp sơ thẩm còn nhiều sai sót: về xác định tư cách người tố tụng đối với các con của ông Châu Văn Hai là xã viên của Tập đoàn 8 chết năm 2015, có vợ tên Nguyễn Thị Tư đã chết năm 2018, ông Hai có 10 người con (bút lục số 449), có 06 người con ủy quyền cho bà Châu Hồng T đứng tên khởi kiện, còn lại 06 người đưa vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng còn lại 03 người chưa đưa vào tham gia tố tụng; thủ tục tổng đạt các văn bản tố tụng như Thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên toà, bản án chưa được thực hiện đúng quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Từ những phân tích nêu trên, do Bản án sơ thẩm số 125/2022/DS-ST ngày 15/11/2022 của Tòa án nhân dân huyện Đông Hải vi phạm nghiêm trọng về tố tụng mà cấp phúc thẩm không thể khắc phục được nên Hội đồng xét xử không xem xét các đơn yêu cầu rút kháng cáo, rút đơn khởi kiện của các nguyên đơn, yêu cầu rút đơn khởi kiện của các nguyên đơn sẽ được xem xét khi cấp sơ thẩm thụ lý giải quyết lại vụ án. Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát và một phần đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn Nguyễn Văn D, hủy bản án sơ thẩm và giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Đông Hải để giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm sẽ được xem xét giải quyết khi xét xử lại vụ án. Về án phí dân sự phúc thẩm: các nguyên đơn không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308 và Điều 310 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Hủy bản án dân sự sơ thẩm số 125/2022/DS-ST ngày 15/11/2022 của Tòa án nhân dân huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu.

2. Giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân huyện Đông Hải giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

3. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm sẽ được xem xét giải quyết khi xét xử lại vụ án.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Các nguyên đơn không phải chịu án phí phúc thẩm. Ông Nguyễn Minh Tr đã dự nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0009693 ngày 28/11/2022; ông Lý Văn Đức đã dự nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0009698 ngày 28/11/2022; ông Lê Văn B đã dự nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0009692 ngày 28/11/2022; ông Phạm Văn V đã dự nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0009694 ngày 28/11/2022; ông Ngô Quốc D đã dự nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0009691 ngày 28/11/2022; bà Trần Mỹ T đã dự nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0009697 ngày 28/11/2022; ông Nguyễn Quốc L (do bà Thẩm nộp thay) đã dự nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 00096700 ngày 28/11/2022; bà Nguyễn Hồng T đã dự nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0009695 ngày 28/11/2022; bà Trần Ngọc G đã dự nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0009690 ngày 28/11/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu được được hoàn lại đủ.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận

- TANDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện Đông Hải;
- TAND huyện Đông Hải;
- CCTHADS huyện Đông Hải;
- Đương sự; Luật sư;
- Lưu, Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(*đã ký*)

Giang Thị Cẩm Thúy